

Bản án số: 15/2024/DS - PT

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT- DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 08/5/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trương Xuân H, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Ngô Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- NLQ1, sinh năm 1929.

Người giám hộ cho NLQ1: Ông Trương Xuân H, sinh năm 1956 (con đẻ của NLQ1); cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- NLQ2, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- NLQ3, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

- NLQ4, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- NLQ5, sinh năm 1966 (có mặt).

- NLQ6, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- NLQ7, sinh năm 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ7: Ông Trương Xuân H, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn ông Ngô Văn D.

**5. Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn; lời khai của bị đơn; bản tự khai và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Cụ Trương Văn Tý, sinh năm 1928 và NLQ1, sinh năm 1929 là vợ chồng hợp pháp, sinh được 07 người con chung, gồm: NLQ2, ông Trương Xuân H, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ7, NLQ6. Cụ Tý và NLQ1 không có con nuôi, không có con riêng. Hai cụ có khối tài sản chung gồm: Thửa thứ nhất diện tích 474m<sup>2</sup> (ONT 180m<sup>2</sup>, CLN 294m<sup>2</sup>); thửa thứ 2 diện tích 205m<sup>2</sup> (hiện còn 171m<sup>2</sup>) đất ao; thửa thửa thứ 3 diện tích 273m<sup>2</sup> (ONT 180m<sup>2</sup>, CLN 93m<sup>2</sup>) và thửa 4 đất trồng lúa có diện tích 695m<sup>2</sup>. Cụ Tý chết năm 2003, không để lại di chúc cho ai thừa kế tài sản.

*\* Nguyên đơn ông Trương Xuân H trình bày:*

Khoảng năm 2006, NLQ1 cho con trai là NLQ5 thuê sử dụng thửa đất ao, thời hạn thuê đến năm 2013 với giá 300.000 đồng/năm, tổng số tiền thuê quyền sử dụng ao là 1.500.000 đồng nhưng NLQ1 chỉ lấy 1.350.000 đồng. Việc cho thuê đất ao giữa NLQ1 và NLQ5 có ông và bà Ngô Thị Tư (chị gái NLQ1) chứng kiến, bà Tư hiện nay đã chết. Đến năm 2008, ông thấy ông D thả cá ở ao của NLQ1 nên ông có hỏi thì ông D nói là thuê lại của NLQ5 để tăng sản nên ông không có ý kiến gì. Năm 2012, cơ quan đo đạc của tỉnh về đo lại đất thì NLQ5 ra nhận mốc, sau đó ông D chở gạch vỡ ra đổ xuống ao, ông ra ngăn cản thì ông D nói đã mua của NLQ5 diện tích đất ao trên, ông không đồng ý dẫn đến hai bên mâu thuẫn và chính quyền địa phương đã nhiều lần giải quyết nhưng không thành. Nay ông xác định thửa đất ao đang tranh chấp là tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung của bố mẹ đẻ ông là cụ Tý và NLQ1. Cụ Tý chết không để lại di chúc và phần đất ao này chưa phân chia cho ai, nên ông không đồng ý việc NLQ5 tự ý bán thửa đất ao này cho ông D. Nay ông khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông D phải trả lại thửa đất ao trên cho gia đình ông, nếu ông D đồng ý trả đất cho gia đình ông, thì ông trả cho ông D một khoản tiền bằng với số tiền định giá đất mà Hội đồng định giá đã định giá sau khi trừ đi các khoản chi phí tổ tụng như tiền xem xét thẩm định tại chỗ, đo đất và định giá tài sản.

*\* Bị đơn ông Ngô Văn D trình bày:*

Tháng 6/2006, NLQ5 có bán cho ông D thửa đất ao là tiêu chuẩn đất 115 của hộ cụ Trương Văn Tý và NLQ1 (bố mẹ đẻ của NLQ5). Do NLQ1 phải đi bệnh viện mổ mắt nên thống nhất bán diện tích đất ao này cho NLQ5 với giá 1.500.000 đồng, đến khi NLQ5 đi nước ngoài cần tiền nên mới bán cho ông với giá 8.000.000 đồng. Việc mua bán hai bên chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nhưng có lập giấy viết tay với nhau đề ngày 21/6/2006, có chữ ký của ông, NLQ5, NLQ1 và ông Trương Văn Lân là trưởng xóm. Sau khi viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã giao đủ cho NLQ5 số tiền 8.000.000 đồng như hai bên đã thoả thuận, ông là người tiếp quản, sử dụng diện tích đất ao này để thả cá từ thời điểm năm 2006. Đến năm 2013, Nhà nước thực hiện phương án dồn điền đổi thửa thì ông là người ra nhận mốc giới đất ao và tiếp tục thả cá đến nay. Quá trình sử dụng, tại vị trí giáp ao hộ ông Pháo, ông đã xây bờ kè bằng gạch bê ngăn cách giữa hai ao với chiều cao khoảng 2m. Quá trình sử dụng thửa đất ao trên để thả cá thì không có tranh chấp với ai. Đến khoảng năm 2015, khi ông đổ cát lấp ao mục đích làm vườn thì ông Trương Xuân H (là anh trai của NLQ5) ra ngăn cản nên hai bên xảy ra cãi nhau. Vì ông H cho rằng đây là đất của NLQ1 nên ông H không cho ông lấp ao, ông H nói việc mua bán giữa ông với NLQ5 không có sự bàn bạc và nhất trí của ông H. Khi xảy ra tranh chấp, UBND xã X đã hoà giải, đồng thời yêu cầu gia đình ông dừng việc san lấp ao. Gia đình ông chấp hành không san lấp nhưng vẫn tiếp tục thả cá. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại đất của ông H. Nếu ông H có nhu cầu lấy lại đất thì ông H phải trả ông số tiền 250.000.000 đồng.

*\* Quan điểm của NLQ1:*

Tại biên bản làm việc ngày 20/3/2013 giữa UBND xã X và cụ NLQ1 trình bày, do thiếu tiền đi mổ mắt nên cụ đã bán phần đất ao trên cho con trai là NLQ5 với số tiền là 1.500.000đ, khi NLQ5 trả tiền cho NLQ1, có mặt ông Trương Xuân H và bà Ngô Thị Tư nhưng vì ông H giữ sổ đỏ nên NLQ1 không chuyển quyền sử dụng đất ao cho NLQ5 được. Do NLQ5 canh tác không hiệu quả và muốn đi xuất khẩu lao động nên đã bán ao cho ông D. NLQ1 và cụ Tý mỗi người có 1,4 sào đất 115, nay cụ chót bán cho NLQ5 đất ao; để giải quyết cho êm thấm gia đình, NLQ1 nhận phần ao này của riêng NLQ1, còn lại đất của cụ Tý ở ruộng, vườn thì sau này các con tự giải quyết với nhau. Hiện nay NLQ1 già, lần bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, ông H là người giám hộ của NLQ1.

*\* NLQ5 trình bày:*

Do mẹ ông là NLQ1 bị đau mắt cần tiền đi viện điều trị, ông H nói bán đất ao của bố mẹ để lấy tiền đưa NLQ1 đi điều trị. Ông H từ chối mua vì nhà có

nhiều đất nên không có nhu cầu mua, đồng thời nói với anh chị em, ai mua thì mua, nếu người nhà không mua thì mới bán cho người ngoài. Vì có nhu cầu sử dụng nên ông mua diện tích đất ao trên với giá 1.500.000 đồng, việc mua bán có sự đồng ý của NLQ1 và anh chị em trong gia đình. Sau khi thống nhất xong, ông đã giao 1.100.000 đồng cho NLQ1, còn lại 400.000 đồng mấy ngày sau ông giao nốt cho NLQ1 (việc giao tiền có sự chứng kiến của ông H). Sau khi mua thửa đất ao trên, ông thả cá được khoảng 02 năm nhưng không hiệu quả. Do không có nhu cầu sử dụng nữa nên ông đã bán lại thửa đất ao cho ông Ngô Văn D với giá 8.000.000 đồng. Việc mua bán hai bên chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật nhưng có lập giấy viết tay với nhau đề ngày 21/6/2006, với nội dung như đã thỏa thuận và có chữ ký của ông, ông D, cụ Tý (NLQ1) và ông Trương Văn Lân là trưởng xóm. Ông D đã giao đủ số tiền 8.000.000 đồng cho ông như đã thỏa thuận. Ông D sử dụng thửa đất ao đã mua và không có tranh chấp với ai. Đến khoảng năm 2012, khi ông D cho xe chở cát lấp ao thì ông H ra ngăn cản không cho lấp nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Nay ông H khởi kiện đòi lại thửa đất ao của ông D, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì thửa đất ao này là tiêu chuẩn đất nông nghiệp chung của bố mẹ đẻ ông là cụ Trương Văn Tý và NLQ1 nhưng NLQ1 đã thống nhất với các người con trong gia đình bán lại cho ông nên ông có quyền bán thửa đất ao trên cho ông D. Việc ông bán đất ao cho ông D là hoàn toàn tự nguyện, có sự thống nhất của NLQ1 và có sự chứng kiến của ông Trương Văn Lân là trưởng xóm.

*\* NLQ2, NLQ4 và NLQ6 trình bày:*

NLQ1 bị lừa cả 02 mắt do đục thủy tinh thể nhưng không có tiền đi chữa mắt nên NLQ1 đã bán thửa đất ao cho NLQ5 với số tiền 1.500.000 đồng. Việc NLQ1 bán thửa đất ao cho NLQ5 các con của NLQ1 đều đồng ý bằng miệng nhưng không lập biên bản. NLQ5 thả cá được vài năm thì chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất ao cho ông D. Nay ông H khởi kiện đòi ông D trả lại quyền sử dụng thửa đất ao thì NLQ2, NLQ4 và NLQ6 đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và không yêu cầu đòi lại đất.

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ7 là ông Trương Xuân H trình bày:* Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* NLQ3:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng NLQ3 không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H.

*\* Lời khai của ông Trương Văn Lân là trưởng xóm.* Tôi không chứng kiến trực tiếp việc mua bán đất giữa ông D, cụ Tý và NLQ5 nhưng do tin tưởng nên đã ký vào giấy mua bán này.

Tại biên bản định giá ngày 06/5/2022 của Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản như sau:  $171\text{m}^2$  đất ao x  $195.000$  đồng/ $\text{m}^2$  =  $33.345.000đ$  (*Ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Ngoài ra, tại thửa đất ao trên còn có 01 đoạn tường kè ao và 01 phần ao đã được san lấp nhưng các đương sự không yêu cầu định giá.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 166 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H về việc kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất ao. Buộc ông Ngô Văn D phải trả lại cho NLQ1 và các con của NLQ1 (gồm NLQ2, ông Trương Xuân H, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ7, NLQ6) diện tích  $171\text{m}^2$  đất ao tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 28, bản đồ địa chính xã X lập năm 2012, chỉnh lý năm 2018, thuộc thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 05/02/2024 ông Ngô Văn D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Trương Xuân H.

Ngày 26/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 648/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân H.

#### **\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm số 648/QĐ-VKS-DS ngày 26/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam. Có ý kiến phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm: Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn D và kháng nghị của VKSND tỉnh, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân H. Án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải chịu

nhưng là người cao tuổi nên xem xét miễn án phí cho ông H. Án phí dân sự phúc thẩm: ông D không phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe ý kiến Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Ngô Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, thấy rằng:

Nguồn gốc đất tranh chấp: NLQ1, cụ Tý có tổng diện tích đất là 918m<sup>2</sup> (gồm ONT, đất CLN, nuôi trồng thủy sản NTS) đều đứng tên cụ Tý, NLQ1 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, cụ Tý chết không để lại di chúc, tài sản thừa kế chưa được phân chia, NLQ1 là người quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp. Như vậy, tài sản của NLQ1 = ½ diện tích đất trong khối tài sản chung là 459m<sup>2</sup>. Sau khi cụ Tý chết, do NLQ1 bị lừa không có tiền chữa bệnh nên đã bán diện tích 205m<sup>2</sup> (hiện còn 171m<sup>2</sup>) đất ao cho NLQ5; khi cụ bán, các con của cụ đều đồng ý (nay chỉ có ông H, NLQ7 không thừa nhận). Do chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ5 nên khi bán cho ông D thì NLQ1 đã cùng NLQ5 ký vào giấy chuyển nhượng đất cho ông D. Như vậy, NLQ1 là chủ sử dụng đất có quyền định đoạt tài sản của mình nhưng không vượt quá phần tài sản của NLQ1 có, để phục vụ chữa bệnh cho bản thân phù hợp với quy định tại Điều 158 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng NLQ5 tự ý bán đất thừa kế; tại giấy chuyển nhượng đất ngày 21/6/2006 ký tên là “Tý” trong khi cụ tên là NLQ1 và NLQ1 chỉ biết điểm chỉ; ông Lân không chứng kiến việc mua bán mà ký vào giấy là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D và kháng nghị của Viện kiểm sát. Phía các con của NLQ1 có mặt tại phiên tòa gồm NLQ5, NLQ6, NLQ2, NLQ4 đều trình bày ở nhà NLQ1 thường gọi thay tên chồng là Tý nên giấy chuyển nhượng ký tên Tý là đúng. NLQ1 bán đất cho NLQ5 để chữa mắt thì tất cả các con đều biết và đồng ý. Nay các ông, bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện đòi đất của ông H. Xét thấy: Việc chuyển nhượng đất giữa các bên được thể hiện bằng giấy chuyển nhượng đất ngày 21/6/2006 và còn được khẳng định thêm một lần nữa tại biên bản làm việc giữa UBND xã X và NLQ1 ngày 20/3/2013, thể hiện ý chí khi còn minh mẫn là NLQ1 bán đất ao cho NLQ5 và NLQ5 bán cho ông D. Như vậy, dù căn cứ khẳng

định việc mua bán đất ao và lập giấy chuyển nhượng là có thật. Tuy nhiên, giấy chuyển nhượng giữa các bên có chữ ký của trưởng xóm là ông Trương Văn Lân nhưng ông Lân xác nhận không chứng kiến việc mua bán là có vi phạm về hình thức của hợp đồng; nhưng các bên đã thực hiện xong việc giao tiền, nhận đất và sử dụng đất, xây kè ao nhiều năm nên có căn cứ công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa NLQ1, NLQ5, ông D có hiệu lực theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, ông H khởi kiện đòi tài sản đất ao của cụ Tý, NLQ1 là không có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 5.042.000 đồng, ông Trương Xuân H phải chịu theo quy định, số tiền này ông Trương Xuân H đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông H là người cao tuổi, đề nghị miễn nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ Điều 129, Điều 158 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, các Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân H về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất ao mang tên cụ Trương Văn Tý và NLQ1.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Xuân H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.042.000 (*Năm triệu không trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng, số tiền này ông Trương Xuân H đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Xuân H không phải nộp, trả lại ông Trương Xuân H số tiền 700.000đ tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000998 ngày 30/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

***Nguyễn Thị Mai Hương***